TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2019/DS-PT
Ngày: 30-7-2020
V/v tranh chấp HĐ VTS

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- THnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thinh

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ

Ông Phạm Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2019/TLPT-DS, ngày 06 tháng 12 năm 2019, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2019/DS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 360/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Anh C1, sinh năm 1972; cư trú tại:, phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Kim Cẩm T, sinh năm 1988; cư trú tại: phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1970; cư trú tại:, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Thu H là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - ông Lê Anh C1 trình bày:

Qua sự giới thiệu của bạn bè làm ăn chung, ông quen biết với bà Trần Thị Thu H. Tháng 5-2017, ông cho bà H mượn số tiền 1.500.000.000 đồng để xin thủ tục cấp giấy phép khai thác mỏ, sau khi khai thác sẽ chia tiền lãi theo tỷ lệ góp vốn. Sau đó, ông biết bà H không làm ăn đầu tư kinh doanh như đã nói nên ngày 16-7-2018, ông gặp bà H yêu cầu trả lại tiền, bà H hứa ngày 16-9-2018 trả cho ông số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi suất là 100.000.000 đồng, có ông H1 ký tên làm chứng. Đến ngày hẹn, bà H không trả tiền cho ông nên ngày 01-10-2018, bà H làm giấy biên nhận giao cho ông C1 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do UBND huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước cấp, bà H đứng tên để làm tin và hẹn đến ngày 28-10-2018 sẽ trả đủ tiền.

Sau đó, bà H đã trả cho ông được số tiền 210.000.000 đồng, còn lại số tiền 1.390.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà H trả số tiền trên và tiền lãi suất theo pháp luật tính từ ngày 16-9-2018 đến ngày 01-10-2018 và từ ngày 02-10-2018 đến ngày xét xử.

Bị đơn - bà Trần Thị Thu H trình bày:

Do quen biết với nhau nên khoảng tháng 5-2017, ông C1 có xin bà góp vốn làm mỏ đá ở tỉnh Bình Phước. Bà đồng ý cho ông C1 góp vốn số tiền 1.500.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bằng miệng, không làm giấy tờ. Ông C1 góp vốn làm ăn với bà được khoảng 01 năm thì ông C1 xin rút vốn lại. Bà đồng ý trả lại cho ông C1 số tiền 1.500.000.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền lãi.

Bà đã trả cho ông C1 210.000.000 đồng. Hiện tại, bà còn nợ ông C1 tiền góp vốn là 1.390.000.000 đồng, bà không vay tiền của ông C1 nên chỉ đồng ý trả cho ông C1 số tiền gốc, không đồng ý trả tiền lãi. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà giao cho ông C1 cầu ông C1 trả lại. Ngoài ra, bà có gửi cho ông C1 giữ 01 văn bản thỏa thuận ngày 13 tháng 9 năm 2017 (bản chính) được ký kết

giữa bà và ông Đỗ Thanh T, bà Trần Thị L, bà yêu cầu ông C1 trả cho bà văn bản thỏa thuận này.

Người làm chứng - ông Nguyễn Xuân Huấn trình bày:

Ông là bạn của ông C1 và bà H. Theo ông biết, ông C1 có đầu tư làm ăn với bà H về việc cấp phép mỏ đá ở huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Văn bản thỏa thuận ngày 13 tháng 9 năm 2017 là thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa bà H và vợ chồng ông Đỗ Thanh T, bà Trần Thị L, được ký kết tại Bình Thuận, có ông C1 đi cùng. Bà H chỉ nhờ ông C1 giữ dùm.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 54/2019/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh C1 đối với bà Trần Thị Thu H. Buộc bà H trả cho ông C1 tổng cộng số tiền 1.437.479.573 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Thu H yêu cầu ông Lê Anh C1 trả văn bản thỏa thuận ngày 13 tháng 9 năm 2017 (bản chính) được ký kết giữa bà H và ông Đỗ Thanh T và bà Trần Thị L.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu H phải chịu 55.424.387 đồng. Ông Lê Anh C1 không phải chịu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, bà H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông C1 giao trả lại 05 giấy CNQSDĐ, 01 văn bản thỏa thuận.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có Quyết định kháng nghị số 27/QĐKNPT-VKS-DS, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì không xem xét yêu cầu đòi lại các giấy CNQSDĐ của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Bà H đồng ý trả cho ông C1 số tiền 1.390.000.000 (một tỷ, ba trăm chín mươi triệu) đồng; ông C1 trả bà H 05 giấy CNQSD đất: số CH00937, ngày 10 tháng 4 năm 2017, đứng tên ông Nguyễn Văn Tr; số CH 00933, ngày 10 tháng 4 năm 2017, đứng tên ông Hoàng N P; số CH 00936, ngày 10 tháng 4 năm 2017, đứng tên ông Nguyễn Văn Á; số CH 00935, ngày 10 tháng 4 năm 2017, đứng tên ông Nguyễn Văn Á; số CH 00934,

ngày 10 tháng 4 năm 2017, đứng tên Hoàng Ngọc P và 01 văn bản thỏa thuận ngày 13 tháng 9 năm 2017, giữa ông Tùng, bà Lắm và bà H (tất cả là bản chính). Việc giao nhận tiền, giấy tờ nêu trên đã thực hiện xong.

Về án phí: Bà H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đều trình bày là đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; theo đó bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn 1.390.000.000 đồng và nguyên đơn đồng ý giao trả cho bị đơn 05 giấy CNQSDĐ, 01 bản thỏa thuận và các bên đã thực hiện xong; bị đơn tự nguyên chịu về án phí. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận; sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Sửa bản án sơ thẩm; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1.1. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị Thu H có trách nhiệm trả cho ông Lê Anh C1 số tiền 1.390.000.000 (một tỷ ba trăm chín mươi triệu) đồng; ghi nhận ông C1 đã nhận đủ tiền do bà H trả.

- Ông Lê Anh C1 có trách nhiệm trả bà Trần Thị Thu H 05 giấy CNQSD đất do UBND huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước cấp: số CH00937, ngày 10 tháng 4 năm 2017, đứng tên ông Nguyễn Văn Tr; số CH 00933, ngày 10 tháng 4 năm 2017, đứng tên ông Hoàng Ngọc P; số CH 00936, ngày 10 tháng 4 năm 2017, đứng tên ông Nguyễn Văn Á; số CH 00935, ngày 10 tháng 4 năm 2017, đứng tên ông Nguyễn Văn Á; số CH 00934, ngày 10 tháng 4 năm 2017, đứng tên Hoàng Ngọc Phong; toàn bộ các giấy CNQSDĐ này đã được chuyển qua tên bà H ngày 28/4/2017 và 01 văn bản thỏa thuận ngày 13 tháng 9 năm 2017, giữa ông Đỗ Thanh T, bà Trần Thị L và bà H (tất cả là bản chính); ghi nhận bà H đã nhận đủ các giấy tờ nên trên do ông C1 trả.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu H chịu 53.700.000 (năm mươi ba triệu bẩy trăm ngàn) đồng. Bà H đã nộp là 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0019994 ngày 26-6-2019 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006437, ngày 04-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh được khấu trừ; bà H còn phải nộp 53.100.000 (năm mươi ba triệu một trăm ngàn) đồng.

Ông Lê Anh C1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông C1 số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng theo biên lai thu số 0019382 ngày 10-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

3. Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự, thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện C;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Văn Thinh